TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI TỪ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2022/HS-ST
Ngày 25/10/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Hưng

2. Ông Trần Quang Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Hồng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2022, tại Hội trường xã Tân Thái, huyện ĐạiTừ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số: 115/2022/TLST-HS ngày 06/10/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn S; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 01 tháng 11 năm 1993;

NĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: xóm T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch:Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 0/12.Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1946; Con bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1952 (đã chết); vợ, con: chưa có; gia đình có 09 anh em, bị cáo là con thứ chín trong gia đình.

Tiền án: không

Tiền sự: - 01. Tại Quyết định số 40/QĐ -TA ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ áp dụng biên pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 16 tháng. Chấp hành xong ngày 27/3/2022.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2022 . Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ - Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1990 - có mặt

Địa chỉ: xóm N, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn S là người nghiện ma túy, không có việc làm ổn định nên khoảng 13 giờ 00 phút ngày 09/7/2022, S một mình đi bộ từ nhà đến xã Bản Ngoại tìm nơi bán chiếc điện thoại đi động Nokia 1280 của S để lấy tiền mua ma túy sử dụng nhưng không bán được nên S đi bộ về nhà. Đến khoảng 18 giờ 40 phút cùng ngày,khi S đi bộ về đến đoạn đường bê tông thuộc xóm T, xã P, huyện Đ thì S thấy chị Nguyễn Thị Q, (sinh năm 1990, trú tại xóm N, xã P, huyện Đ) đang điều khiển xe mô tô BKS 20F1: 261.50 đi từ hướng cầu treo đến. S liền nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị Q để mua chất ma túy sử dụng. S nhìn về phía chị Q giơ tay vẫy và gọi "Chị ơi". Nghe thấy S gọi, chị Q nghĩ S cần giúp đỡ nên dừng xe mô tô sát lề đường bên phải theo chiều đi. S đi bộ đến vị trí chị Q dừng xe và quan sát, phát hiện thấy tại móc treo hàng ở giữa xe có treo 01 chiếc túi xách màu đỏ nên S tìm cách chiếm đoạt. Để thực hiện hành vi tiếp cận gần chiếc túi xách nên S nhờ chị Q gọi điện thoại cho bạn đến đón. Do không biết được mục đích của S nên chị Q đồng ý và lấy điện thoại ra bảo S đọc số thuê bao cần gọi. S đọc số thuê bao 0973554326 (do S tự nghĩ ra) để chị Q gọi nhưng nhà mạng thông báo số thuê bao không đúng. S tiếp tục nhờ chị Q gọi đến số thuê bao 0988050622 thì có 01 người nam giới nghe máy. Chị Q bật loa ngoài để S nói chuyện, S nhờ người nam giới đến đón nhưng người nam giới đó không biết S nên từ chối. Thấy vậy, chị Q tắt điện thoại và cất chiếc điện thoại đi rồi điều khiển xe mô tô đi về hướng xã P, đi được khoảng 03 mét thì chị Q dừng xe lại bảo S cho đi nhờ một đoạn. S trả lời có rồi đi bộ về phía bên trái vị trí chị Q dừng xe, sau đó S bất ngờ dùng tay phải giật chiếc túi xách của chị Q đang treo ở móc xe phía trước rồi nhanh chóng bỏ chạy lên đồi cây keo ở bên phải đường theo hướng Dầm Dín đi Trại Mới thì dừng lại (cách vị trí chị Q khoảng 600 mét), S mở chiếc túi xách kiểm tra thấy bên trong túi có 01 chiếc sạc điện thoại; 01 chiếc chuốt mi; 01 thỏi son; 01 chiếc thước kẻ nhựa và 01 bộ thẻ chữ bằng giấy. Do S thấy số tài sản không có giá trị nên đã vứt những tài sản này trên đồi rồi đi bộ về nhà.

Về phía chị Q, bất ngờ bị S giật chiếc túi, không kịp phản ứng nên chị Q điều khiển xe mô tô đi về nhà. Đến ngày 16/7/2022 chị Q đã làm đơn trình đến Công an xã P, huyện Đ đề nghị giải quyết. Công an xã P đã xác minh làm rõ Nguyễn Văn S là người thực hiện hành vi Cướp giật tài sản của chị Q, tiến hành

thu giữ tài sản của chị Q tại nơi S vứt tài sản và chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, công an huyện Đ để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 31/KL - HĐĐGTS ngày 20/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận:

+ 01 chiếc túi xách bằng da màu đỏ đã cũ đã qua sử dụng và 01 bảng chữ cái bằng giấy, chỉ có giá trị sử dụng không có giá trị giao dịch, không tiến hành định giá.

+ 01 chiếc sạc điện thoại gồm củ sạc và dây cáp sạc có giá 10.000 đồng

+ 01 bộ chuốt mi đã qua sử dụng có giá 10.000 đồng

+ 01 thỏi son màu hồng đã qua sử dụng có giá 30.000 đồng

+ 01 chiếc thước kẻ bằng nhựa dẻo có giá 2000 đồng

Tổng giá trị tài sản mà S cướp giật tại thời điểm tháng 7/2022 là 52.000 đồng *(Năm mươi hai nghìn đồng).*

Vật chứng của vụ án gồm: 01 chiếc túi xách, 01 thỏi son, 01 chiếc chuốt mi, 01 chiếc thước kẻ nhựa, 01 bộ thẻ chữ bằng giấy, 01 chiếc sạc điện thoại (do S chiếm đoạt của chị Q), 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 (do S giao nộp).

Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 120/CT-VKSĐT ngày 05/10/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội:*"Cướp giật tài sản"* theo khoản 1 Điều 171 của BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 171 BLHS; điểm s khoản 1 điều 51, điều 38 của BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S mức án từ 15 – 18 tháng tù.

Về dân sự: Người bị hại không yêu cầu gì, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết trong vụ án này.

Xử lý vật chứng của vụ án theo quy định, miễn hình phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo vì bị cáo là hộ nghèo của xã Đ.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được cải tạo tạiđịa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1}. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2}. Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại chị Nguyễn Thị Q, phù hợp với các tài liệu khác như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá tài sản, vật chứng của vụ án...

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Khoảng18 giờ 50 phút ngày 09/7/2022, tại đoạn đường bê tông thuộc xóm Trại Mới, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nguyễn Văn S đã thực hiện hành vi dùng tay giật 01 chiếc túi xách bên trong có 01 chiếc sạc điện thoại; 01 chiếc chuốt mi; 01 thỏi son; 01 chiếc thước kẻ nhựa và 01 bộ thẻ chữ bằng giấy của chị Nguyễn Thị Q có tổng giá trị 52.000 đồng.

Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội: *"Cướp giật tài sản"* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171Bộ luật hình sự năm 2015.

Nội dung điều luật quy định như sau:

"1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm"

{3}. Xét tính chất hành vi:

Xét về tính chất hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà trong vụ án này tài sản của chị Nguyễn Thị Q, hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự an ninh tại địa phương nên cần được xử lý nghiêm mới bảo đảm tính răn đe của pháp luật và mang tính phòng ngừa chung.

{4}. Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo S đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

{5}. Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo chưa có tiền án nhưng bị cáo có 01 tiền sự, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên áp dụng

biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định số 40/QĐ - TA ngày 04/9/2020 với thời hạn 16 tháng.

{6}. Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần xử bị cáo mức án như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo vì gia đình bị cáo là hộ nghèo của xã Đ.

{7}.Về dân sự: Người bị hại cũng không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

{8}.Về vật chứng của vụ án gồm: 01 phong bì niêm phong ký hiệu PS2 – 2006022 bên trong là chiếc túi xách, 01 chiếc sạc điện thoại; 01 chiếc chuốt mi, 01 thỏi son, 01 chiếc thước kẻ nhựa; 01 phong bì niêm phong ký hiệu PS – 2006023 bên trong là bộ thẻ chữ bằng giấy. Các vật chứng trên là tài sản của bị hại chị Nguyễn Thị Q nên cần trả lại cho chị Q là phù hợp.

01 phong bì niêm phong ký hiệu Đ1 bên trong là chiếc điện thoại Nôkia 1208 là tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án nên cần trả lại bị cáo là phù hợp.

{9}.Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sung công quỹ nhà nước, tuy nhiên gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên miễn án phí hình sự cho bị cáo là phù hợp.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

*** Áp dụng**: khoản 1 điều 171; điểm s khoản 1 điều 51, điều 38 của BLHS năm 2015; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

*** Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội: *"Cướp giật tài sản"*

***Xử phạt*:** Bị cáo Nguyễn Văn S 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tình tình ngày bị bắt 17/7/2022. Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

***Về dân sự:** Bị hại không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

* **Về vật chứng:** Áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS;

- Trả cho bị hại chị Nguyễn Thị Q: 01 chiếc túi xách, 01 chiếc sạc điện thoại; 01 chiếc chuốt mi, 01 thỏi son, 01 chiếc thước kẻ nhựa được niêm phong trong phong bì ký hiệu PS2 – 2006022; 01 bộ thẻ chữ bằng giấy được niêm phong trong phong bì ký hiệu PS – 2006023.

- Trả bị cáo 01 chiếc điện thoại Nôkia 1208 được niêm phong trong phong bì ký hiệu Đ1.

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như trong mô tả tại quyết định chuyển vật chứng số 102/QĐ – VKS ngày 05/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên).

*** Về án phí**: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn S (hộ nghèo).

*** Về quyền kháng cáo:** Báo cho bị cáo, bị hại biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thái Nguyên (1b);*
- *Công an huyện Đ (3b);*
- *VKSND huyện Đ (1b);*
- *VKSND tỉnh Thái Nguyên(1b);*
- *Chi cục THADS H. Đ (1b);*
- *Bị cáo, bị hại (2b);*
- *THAHS (2b);*
- *Lưu hồ sơ (1b).*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Khánh